UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Biểu mẫu số 1
(Thời hạn báo cáo: 15/01 hoặc 01/03)

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2013

của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2012		Số báo cáo năm 2013	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
I	**Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:**					
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	740.000	758.837	750.000	753.489
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	-				
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	16.338.904	17.237.151	18.967.455	22.794.234
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	16.338.904	17.130.850	18.841.425	15.104.269
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	2.350.000	2.419.193	2.620.000	3.404.276
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	86.000	44.447	55.196	58.359
7	Năng suất lao động bình quân (1)	Trđ/năm	18.998,73	19.313,25	20.842,28	24.179,98
II	**Tiền lương của VCQL chuyên trách (2)**					
1	Số VCQL chuyên trách (tính bình quân)	Người	6	6	6	6
2	Hạng công ty được xếp	-	I	I	I	I
3	Hệ số mức lương bình quân	-	6,89	6,89	6,89	6,89
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	30,00	30,00	30,00	30,00
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)	-				
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.240,20	1.230,00	2.348,05	2.416,21
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	17,23	17,08	32,61	33,56
III	**Thù lao của VCQL không chuyên trách (3)**					
1	Số VCQL không chuyên trách (tính bình quân)	Người				
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%				
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng				
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th				
IV	**Tiền thưởng, thu nhập**					

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2012		Số báo cáo năm 2013	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	500,00	682,00	293,51	-
2	Quỹ thưởng an toàn (nếu có), Chi từ Quỹ lương 2011	Tr.đồng		1.125,40		
3	Mức thu nhập BQ của VCQL chuyên trách (4)	Tr.đồng/th	24,17	42,19	36,69	33,56
4	Mức TNBQ của VCQL không chuyên trách (5)	Tr.đồng/th				

Ghi chú:

(1)ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

(2) Viên chức quản lý chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặ Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

(3) Viên chức quản lý không chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách.

(4) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(5) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(6) Năm trước liền kề năm báo cáo tại cột số 6 và số 7.

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

LÊ THỊ NGỌC THUÝ

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N:3700146466-C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV
TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG

ĐOÀN MINH QUANG